

Bản án số: 55/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 22/12/2022

Về việc: Ly hôn

”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bình và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Kim O, sinh năm 1984

ĐKHKT và trú tại: Xóm 2, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Mai Lương B, sinh năm 1984.

ĐKHKT và trú tại: Xóm 5, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị O, anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Kim O trình bày: Chị và anh Mai Lương B sau thời gian ngắn tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã Q và chung sống hạnh phúc khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng lừa đảo nhau về vấn đề tiền bạc và kinh tế. Do vợ chồng mâu thuẫn anh B đã bỏ về xã Y sinh sống đồng thời vợ chồng sống ly thân nhau và không quan tâm liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh B không có con chung, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong biên bản ghi lời khai bị đơn là anh Mai Lương B trình bày: Anh và chị Trần Thị Kim O là vợ chồng và có hôn nhân hợp pháp. Đăng ký kết hôn ngày ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng lúc sống ở Y, lúc về sinh sống ở xã Q. Quá trình chung sống hạnh phúc khoảng hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống. Mặt khác chị O là người phụ nữ lười lao động, ham chơi, không tu trí làm ăn và thu vén cho gia đình. Có thái độ coi thường chồng và gia đình nhà chồng. Thậm chí sau này khi hai vợ chồng sống ly thân và không liên quan đến nhau nữa thì chị O vẫn thường xuyên xúc phạm anh và gia đình anh trên mạng xã hội. Bản thân anh cũng xác định vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ và cũng không muốn níu kéo chị O nữa. Nhưng nay chị O có đơn xin ly hôn anh không đồng ý ký đơn ly hôn. Việc này do chị O tự quyết định và Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị O không có con chung. Nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: anh và chị O không có tài sản chung và công nợ vì vậy anh không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Kim O và anh Mai Lương B ly hôn.
- Án phí: Chị Trần Thị Kim O nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim O có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” với anh Mai Lương B, sinh năm 1984 có nơi cư trú tại xóm 5, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Kim O và vắng mặt bị đơn anh Mai Lương B. Cả chị O và anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo

quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim O và anh Mai Lương B có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống và vợ chồng không tin tưởng và không tôn trọng nhau. Cả chị O và anh B đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân nhau gần một năm nay không có khả năng về đoàn tụ. Tuy nhiên chị O có đơn xin ly hôn anh B không nhất trí mà việc này do chị O tự quyết định. Anh B sau đó đã không có mặt để làm các thủ tục hòa giải về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Thể hiện thái độ bỏ mặc và không thiện chí trong việc cùng nhau giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã Y xác định: Anh Mai Lương B là công dân xã Y, sau khi tìm hiểu đã kết hôn với chị Trần Thị Kim O tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn với chị O thì anh B về chung sống cùng chị O tại xã Q được khoảng 2, 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề cuộc sống và cả làm ăn kinh tế. Mặt khác do anh chị kết hôn với nhau vì cả hai đều là lần kết hôn thứ hai nên trước khi kết hôn đã tìm hiểu chưa thật sự thấu đáo và nghiêm túc. Nên khi về sống chung có những mâu thuẫn không thể khắc phục được. Từ đầu năm 2022 anh B về ở với ông bà Khuê, Lùng là bố mẹ đẻ của anh B tại xóm 5, xã Y. Đồng thời anh B và chị O sống ly thân mỗi người một nơi, không chung sống cùng nhau nữa. Nay chị O xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân của chị O và anh B các bên thừa nhận có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa, mặc dù anh B không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh B cũng không mong muốn về đoàn tụ và cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị O và anh B không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị O và anh B không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Kim O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Kim O và anh Mai Lương B.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị Kim O phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004673 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Q.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Khanh**